

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 992 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 02 tháng 08 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện, Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 024/TTr-SKHCCN ngày 28 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện, Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, V3, PVHCC. *./.*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 10 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
TRONG LĨNH VỰC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN, SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
I. Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện				
1	2.002788.H21	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	- Lệ phí cấp giấy phép: Với công suất phát $P \leq 1W$ thì lệ phí là 50.000 VNĐ/1 giấy phép; Với công suất phát $1W < P \leq 5W$ thì lệ phí là 300.000 VNĐ/1 giấy phép. - Phí sử dụng tần số: Bằng 500.000 đồng/1 tần số/độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số ấn định 12.5 kHz/12 tháng. Với độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định bằng $n \times 12.5$ kHz, $n=2, 3, 4, \dots$ thì phí sử dụng tần số bằng $n \times$ Mức phí tương ứng nêu trên. Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định là 6.25 kHz thì phí sử dụng tần số bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên. - Thời gian áp dụng: + Từ 1/7/2025 đến 31/12/2026: * Phí sử dụng tần số tính bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. + Từ 1/1/2027 trở đi: * Phí sử dụng tần số tính bằng 100% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “trong quá trình giải quyết hoặc tại thời điểm nhận kết quả”)	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh
2	2.002789.H21	Gia hạn Giấy	- Lệ phí gia hạn giấy phép: (tính bằng 20% lệ phí cấp giấy phép):	Quyết định số

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Với công suất phát $P \leq 1W$ thì lệ phí là 10.000 VNĐ/1 giấy phép; Với công suất phát $1W < P \leq 5W$ thì lệ phí là 60.000 VNĐ/1 giấy phép. - Phí sử dụng tần số: Bằng 500.000 đồng/1 tần số/độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số ấn định 12.5 kHz/12 tháng. Với độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định bằng $n \times 12.5$ kHz, $n=2, 3, 4, \dots$ thì phí sử dụng tần số bằng $n \times$ Mức phí tương ứng nêu trên. Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định là 6.25 kHz thì phí sử dụng tần số bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên. - Thời gian áp dụng: + Từ 1/7/2025 đến 31/12/2026: * Phí sử dụng tần số tính bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. + Từ 1/1/2027 trở đi: * Phí sử dụng tần số tính bằng 100% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “trong quá trình giải quyết hoặc tại thời điểm nhận kết quả”)	690/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh
3	2.002790.H21	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	- Lệ phí sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép không phải ấn định lại tần số hoặc phải ấn định lại tần số theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành: (tính bằng 20% lệ phí cấp giấy phép): Với công suất phát $P \leq 1W$ thì lệ phí là 10.000 VNĐ/1 giấy phép; Với công suất phát $1W < P \leq 5W$ thì lệ phí là 60.000 VNĐ/1 giấy phép. - Lệ phí sửa đổi, bổ sung giấy phép có tính toán lại tần số: Với công suất phát $P \leq 1W$ thì lệ phí là 50.000 VNĐ/1 giấy phép; Với công suất phát $1W < P \leq 5W$ thì lệ phí là 300.000 VNĐ/1 giấy phép. - Phí sử dụng tần số:	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			Bằng 500.000 đồng/1 tần số/độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số ấn định 12.5 kHz/12 tháng. Với độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định bằng $n \times 12.5$ kHz, $n=2, 3, 4, \dots$ thì phí sử dụng tần số bằng $n \times$ Mức phí tương ứng nêu trên. Độ rộng băng tần chiếm dụng của kênh tần số được ấn định là 6.25 kHz thì phí sử dụng tần số bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên. - Thời gian áp dụng tính phí: + Từ 1/7/2025 đến 31/12/2026: * Phí sử dụng tần số tính bằng 50% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. + Từ 1/1/2027 trở đi: * Phí sử dụng tần số tính bằng 100% mức phí tương ứng nêu trên; * Lệ phí giữ nguyên. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “trong quá trình giải quyết hoặc tại thời điểm nhận kết quả”)	
II. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ				
4	1.013916.H21	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. + Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng.	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng. + Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	
5	1.013919.H21	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. - Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng. - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng. + Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh
6	1.013924.H21	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			nghiệp: 75.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	
7	1.013928.H21	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh
8	1.013942.H21	Thủ tục xóa tên tổ	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026:	Quyết định số

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	+ Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh
9	1.013954.H21	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. + Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng. + Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
			+ Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	
10	1.013968.H21	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản. + Lệ phí cấp GCN ĐKHD: 60.000 đồng/GCN. + Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản. + Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/ lệ phí: + Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản. + Lệ phí cấp GCN ĐKHD: 120.000 đồng/GCN. + Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bản. + Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu. (Thu phí/ Lệ phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ/trong quá trình giải quyết/tại thời điểm nhận kết quả”)	Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh
Tổng cộng: 10 TTHC				